

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Gói thầu: Mua sắm khăn vật tư phục vụ xử lý tồn tại bất thường hệ thống châm Clo năm 2025

Tên Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 0251-222.5899; Fax: 0251-222.5897; Mã số thuế: 3600897316.

Đề nghị Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua sắm khăn vật tư phục vụ xử lý tồn tại bất thường hệ thống châm Clo năm 2025.
2. Giá gói thầu (bao gồm VAT 8%): 496.172.881VNĐ (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng*).
3. Thời gian thực hiện gói thầu: 42 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
4. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025.
5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá cạnh tranh, trong nước, không qua mạng.
6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
7. Thời gian phát hành Bản yêu cầu báo giá: Từ lúc phát hành thành công Yêu cầu báo giá trên Website Công ty <https://www.pvpnt2.vn/> đến trước 14 giờ 00 phút, ngày 14/08/2025.
8. Phát hành Yêu cầu báo giá trên Website Công ty <https://www.pvpnt2.vn/> (*chi tiết như đính kèm*).
9. Địa điểm tiếp nhận Bản báo giá: Bản báo giá nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện cho PVPower NT2 theo địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
10. Thời điểm kết thúc nhận Bản báo giá: 14 giờ 00 phút, ngày 14/08/2025.

Đại Phước, ngày 04 tháng 08 năm 2025

Đại diện bên mời thầu



Nguyễn Trung Thu

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : Mua sắm khăn vật tư phục vụ xử lý tồn tại bất thường hệ thống chầm Clo năm 2025

Phát hành ngày : 06 / 8 / 2025

Ban hành kèm theo Quyết định : 467 / QĐ - C/PNT2

Bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Thu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên Bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp Báo giá) gói thầu Mua sắm khản vật tư phục vụ xử lý tồn tại bất thường hệ thống chầm Clo năm 2025. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản Yêu cầu báo giá (YCBG) này.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Bản báo giá (BBG) gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với thời gian theo yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi công việc tại YCBG;

Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

- b) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- c) Hạch toán tài chính độc lập;
- d) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- e) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- f) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- g) Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 02 Chương III. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá chào theo Mẫu số 03B Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá chào,

không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá BBG của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽¹⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Theo ghi chú (1)
2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự ⁽²⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 04, và ghi chú (2)

		tự là: - Có tính chất tương tự: Cung cấp vật tư Cơ nhiệt cho nhà máy điện; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: Y= 250.000.000 VND.				
--	--	---	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này.

Nhà thầu nộp các tài liệu như sau để chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(2) Nhà thầu phải nộp các tài liệu sau để chứng minh hợp đồng tương tự đã hoàn thành: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng, hóa đơn, xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu tương đương,.... Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu của Bên mời thầu (nếu có) trong quá trình đánh giá E-HSDT và cung cấp bản gốc/ bản sao chứng thực khi đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về nhân sự chủ chốt. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi cung cấp			
1	Chủng loại vật tư cung cấp	Theo đúng biểu phạm vi cung cấp quy định tại Chương II-Yêu cầu về phạm vi công việc.	Không đúng theo biểu phạm vi cung cấp quy định tại Chương II-Yêu cầu về phạm vi công việc.
2	Cam kết cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu tại Chương II	Có cam kết cung cấp đầy đủ số lượng	Không có cam kết cung cấp đầy đủ số lượng
II. Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa			
1	Các thông số kỹ thuật theo biểu phạm vi cung cấp, các yêu cầu về kỹ thuật	Đáp ứng hoặc cao hơn yêu cầu quy định tại Chương II-Yêu cầu về phạm vi công việc.	Không đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương II-Yêu cầu về phạm vi công việc.
2	Nhà thầu phải có cam kết hàng hóa được cung cấp là mới 100% chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, ngày sản xuất hàng hóa cung cấp sau ngày 01/01/2024; cam kết cung cấp đầy đủ CO, CQ đối với các mục hàng hóa quy định tại Chương II	Có cam kết	Không có cam kết
3	Nhà thầu phải có cam kết các mục hàng hóa chào thay thế (nếu có) là tương đương hoặc tốt hơn so với mục hàng hóa yêu cầu, cam kết tính tương thích của hàng hóa chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật và hình dáng hình học để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp	Có cam kết	Không có cam kết

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	với các thiết bị, hệ thống hiện hữu (Nhà máy điện Nhơn Trạch 2).		
III. Chế độ bảo hành			
1	Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 01 năm kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa	<i>Có cam kết</i>	<i>Không có cam kết</i>
IV. Địa điểm giao hàng			
1	- Địa điểm giao hàng: Kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ: Ấp 3 xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai hoặc đúng địa điểm yêu cầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.	<i>Có cam kết</i>	<i>Không có cam kết</i>

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng phương pháp giá đánh giá.

Cách xác định **giá đánh giá** theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú ⁽¹⁾);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú ⁽²⁾);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT;

Bước 5. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{DG} = G \pm \Delta_G$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu xác định tại Bước 1 Mục này;

- Δ_G là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa bao gồm:

Δ_G	Đưa các chi phí về một mặt bằng so sánh theo các yếu tố dưới đây:	$(\Delta_G) = (a)$
------------	---	--------------------

	a) Về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa (a)	Được xác định trên cơ sở nguồn gốc xuất xứ của thiết bị, cụ thể như sau: ➤ Có xuất xứ từ các nước thuộc khối G7 và Thụy Sĩ: $(a) = (g) \times \text{hệ số } 0;$ ➤ Có xuất xứ từ EU: $(a) = (g) \times \text{hệ số } 0,2;$ ➤ Có xuất xứ từ Hàn Quốc và các nước còn lại thuộc Châu Âu: $(a) = (g) \times \text{hệ số } 0,3;$ ➤ Có xuất xứ từ các nước còn lại trừ Trung Quốc: $(a) = (g) \times \text{hệ số } 0,5;$ ➤ Có xuất xứ từ Trung Quốc nhưng do các công ty đa quốc gia thuộc khối G7 và Thụy Sĩ sản xuất: $(a) = (g) \times \text{hệ số } 1,0;$ ➤ Có xuất xứ từ Trung Quốc: $(a) = (g) \times \text{hệ số } 1,5;$
--	---------------------------------------	---

- (g) là đơn giá dự thầu trước VAT của từng mục hàng hóa.

- Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này. Trường hợp Nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc vẫn chào nhiều xuất xứ thì Bên mời thầu sẽ lấy xuất xứ thấp nhất trong các xuất xứ mà Nhà thầu chào để áp giá theo quy định tại Mục a về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa của Bước 5 Xác định giá đánh giá tại Mục này. Nếu Nhà thầu không chào xuất xứ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này. Trường hợp Nhà thầu không có văn bản làm rõ thì Bên mời thầu sẽ áp giá đánh giá theo xuất xứ thấp nhất (xuất xứ từ Trung Quốc) theo quy định tại Mục a về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa của Bước 5 Xác định giá đánh giá tại Mục này.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân

số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

(3) Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định trên, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của Bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản Yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Bản báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Bản báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng theo Mẫu số 01A Chương III;
- 2) Giấy ủy quyền theo Mẫu số 01B Chương III (nếu có);
- 3) Thỏa thuận liên doanh theo Mẫu số 02 Chương III (nếu có);
- 4) Bảng chào giá theo Mẫu số 03 Chương III;
- 5) Biểu kê khai Hợp đồng tương tự theo Mẫu số 04 Chương III;
- 6) Bảng tiến độ cung cấp theo Mẫu số 05 Chương III;
- 7) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 8) Bản sao chứng thực hợp đồng tương tự và các tài liệu liên quan (hóa đơn và biên bản nghiệm thu/biên bản thanh lý quyết toán/xác nhận của Chủ đầu tư về hoàn thành hợp đồng) theo quy định tại YCBG;
- 9) Hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.
- 10) Các hồ sơ/ tài liệu khác theo yêu cầu của YCBG.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của Bản báo giá

Thời gian có hiệu lực của Bản báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận Bản báo giá.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, mở và đánh giá Bản báo giá

1. Thời điểm ngừng tiếp nhận Bản báo giá là **14 giờ 00 ngày 14/08/2025**. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ

phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai không được muộn sau **14 giờ 00 ngày 14/08/2025**. Các Bản báo giá được gửi đến Bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp Bản báo giá sẽ không được xem xét.

2. Thời gian mở Bản báo giá: **14 giờ 15 ngày 14/08/2025**.

3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Bản báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Bản báo giá, Bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các Bản báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của Bản báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp Bản báo giá.

4. Bên mời thầu so sánh các Bản báo giá theo Yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các Bản báo giá, Bên mời thầu sẽ mời nhà thầu theo thứ tự xếp hạng giá đánh giá đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Bản báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản Yêu cầu báo giá;
2. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được công bố trên website của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (<http://pvpnt2.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

Chương II. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

Mục 1. Phạm vi cung cấp, Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Thông tin gói thầu: Mua sắm khăn vật tư phục vụ xử lý tồn tại bất thường hệ thống châm Clo năm 2025
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 42 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

2. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

2.1. Phạm vi cung cấp

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

Stt	Tên thiết bị/vật tư	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất/ tương đương ⁽¹⁾	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm/ Thông số kỹ thuật	Ghi Chú
1	Chlorine Gas Pressure Reducing Valve	set	2	Evoqua	Serial 50-185 Order code: W3T107894	CO, CQ,
2	Various Gasket for Reducing Valve (PM Kit)	set	2	Evoqua	Part No: U26217	CO, CQ

Ghi chú:

- CO là Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa;
- CQ là Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa;
- (1) tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2.2. Tiến độ cung cấp

- Tiến độ cung cấp: Nhà thầu cung cấp toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp trong vòng 42 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Tại kho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Nhà thầu được phép cung cấp hàng hóa sớm hơn quy định.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa cung cấp phải phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của Nhà

máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, đáp ứng đầy đủ hoặc cao hơn đặc tính kỹ thuật nêu trong Biểu phạm vi cung cấp.

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất kèm theo đúng chủng loại hàng hóa nêu tại bảng Phạm vi cung cấp tại khoản 2.1, Mục 1, chương II trong YCBG. Ngoài ra, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng của tất cả hàng hóa thuộc bảng Phạm vi cung cấp nêu trên (kể cả những hàng hóa nhà thầu chào đúng loại tham khảo nêu trong BBG).

Hàng hóa được cung cấp là mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Danh mục hàng hóa với các thông số kỹ thuật trong biểu phạm vi cung cấp là các mục hàng hóa mà PVPower NT2 đang sử dụng hoặc mong muốn sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại mã trên hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng và hệ thống hiện hữu của Bên mời thầu.

Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng tương đương thì phải cung cấp các hồ sơ tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa bao gồm: Tài liệu, catalogue, datasheet thể hiện thông số kỹ thuật kèm theo bảng phân tích tính tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế và các tài liệu khác chứng minh, đồng thời cung cấp bảng so sánh các thông số kỹ thuật của hàng hóa tương đương so với thông số kỹ thuật của hàng hóa được nêu trong E-HSMT và phải có cam kết mặt hàng chào thay thế là tương đương hoặc tốt hơn so với mặt hàng yêu cầu, bảo đảm tính tương thích của hàng hóa chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật, hình dáng hình học và phù hợp về kích thước để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị). Nhà thầu phải tự khảo sát và xem xét hệ thống tiếp nhận của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và các khu vực xung quanh để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị Hồ sơ dự thầu và phương tiện vận chuyển phù hợp. Nhà thầu phải tự chịu mọi chi phí cho việc khảo sát nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

4. Các yêu cầu khác

Thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: **≥ 01 năm** kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm vận chuyển và bốc xếp hàng từ phương tiện vận chuyển xuống cửa kho của PVPower NT2, tại Ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Toàn bộ chi phí giao hàng/nghiệm thu do Nhà thầu chịu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- PVPower NT2 hoặc đại diện của PVPower NT2 có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do PVPower NT2 thông báo trước và được Nhà thầu thống nhất chấp thuận.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì PVPower NT2 có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, PVPower NT2 có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của PVPower NT2 không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.
- Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Nhà thầu không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này, chi phí do Nhà thầu chịu.
- Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại kho của bên mời thầu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01A

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản Yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản Yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)], chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản Yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện gói thầu là: _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Hiệu lực của Bản báo giá: _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn chào hàng phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của BBG, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong Biểu mẫu số 03 Bảng chào giá, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 01B Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 01B Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 02 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT, sửa đổi, thay thế E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn] (2).

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____[ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____[ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ⁽²⁾ _____[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ Yêu cầu báo giá gói thầu _____[ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____[ngày được ghi trên YCBG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____[ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ YCBG và văn bản giải trình, làm rõ Bản báo giá hoặc văn bản đề nghị rút Bản báo giá, sửa đổi, thay thế Bản báo giá;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án]

theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢNG CHÀO GIÁ

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT)
	Hàng hóa thứ 1								MI*		MI
											
	Hàng hóa thứ n								Mn*		Mn
		Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT							(M*)		
		Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT (Kết chuyển sang đơn chào hàng)									(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Nhà thầu điền nội dung bảng giá chào của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương II.
- Thành tiền $M1^*$, ... Mn^* , (M^*) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND	
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 3 Chương I⁽²⁾.			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định như sau: Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi là tỷ giá bán ra của ngân hàng Vietcombank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

(4) Nhà thầu đính kèm tài liệu: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng, hóa đơn, xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu tương đương,.... Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu của Bên mời thầu (nếu có) trong quá trình đánh giá E-HSDT và cung cấp bản gốc/ bản sao chứng thực khi đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng.



BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP^(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1					01	42	
2					01	42	
3					01	42	
...					01	42	

Ghi chú:

^(*) Mục (8): Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong YCBG. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì Bản báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

^(**) Nhà thầu điền đầy đủ danh mục theo Biểu phạm vi cung cấp quy định tại Chương II.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ CÁC BIỂU MẪU

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN A: Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là PVPower NT2)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

BÊN B: Nhà thầu (sau đây gọi là Nhà thầu)

¹ Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 “Hợp đồng” được hiểu là văn bản được ký kết giữa Bên A và Bên B.
- 1.2 “Phạm vi cung cấp” được hiểu là công việc thực hiện cung cấp vật tư để xử lý bất thường phục vụ sản xuất, chi tiết tại Điều 2 – Phạm vi cung cấp.
- 1.3 “Hàng hóa” được hiểu là vật tư quy định tại Phụ lục 1 của hợp đồng.

ĐIỀU 2: PHẠM VI CUNG CẤP

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận cung cấp hàng hóa cụ thể như Phụ lục 1 – Biểu giá và phạm vi cung cấp (đính kèm).

ĐIỀU 3: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. E-HSMT; E-HSDT; Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Thực hiện đầy đủ các điều khoản như đã quy định trong hợp đồng và thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Theo dõi giám sát trong quá trình thực hợp đồng.
- Kiểm tra khi Bên B giao hàng hóa có đảm bảo quy cách và tiến độ được quy định trong hợp đồng.

- Kiểm tra chất lượng, nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp theo đúng chủng loại, đặc tính kỹ thuật Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Giao hàng hóa đảm bảo quy cách, chất lượng và tiến độ được quy định trong Hợp đồng.
- Thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn cho Bên A sử dụng và vận hành hàng hóa (nếu có).
- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa cung cấp như: Chủng loại, đặc tính kỹ thuật Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Chịu trách nhiệm bảo hành hàng hóa theo đúng quy định của hợp đồng.
- Thông báo cho Bên A khi có thay đổi thông tin về tài khoản ngân hàng bằng văn bản.
- Tạo điều kiện thuận lợi để Bên A theo dõi giám sát trong quá trình thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 6: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1 Giá hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là: ...

6.2 Loại hợp đồng: Trọn gói.

6.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: ... ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

- Tiến độ cung cấp: cung cấp toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp trong vòng 42 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

6.4 Phương thức và đồng tiền thanh toán:

6.4.1 Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

6.4.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

6.4.3 Điều kiện và tiến độ thanh toán:

- Tạm ứng: Không tạm ứng.
- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- Số lần thanh toán: 01 lần.

6.4.4 Thời hạn thanh toán:

- Thanh toán đến 100% giá trị. Thời gian thanh toán trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được bộ Hồ sơ thanh toán theo quy định.

6.5 Hồ sơ thanh toán, bao gồm:

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Một (01) Bản gốc Giấy đề nghị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn điện tử GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành có giá trị bằng 3% giá hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc Biên bản nghiệm thu vật tư hàng hóa về kho (từng đợt);
- Một (01) Bản gốc/Bản điện tử (kèm theo đường link hoặc mã QR để kiểm tra) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với phần hàng hóa Bên B nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa Bên B không trực tiếp nhập khẩu hoặc bản sao có xác nhận của Bên B khi Bên B nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao có xác nhận của nhà sản xuất/ Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với các mục hàng hóa yêu cầu cấp CQ;
- Một (01) Bản sao y công chứng/bản sao có xác nhận của nhà cung cấp cho Bên B hợp đồng/ chứng từ mua bán hoặc các tài liệu liên quan tương đương giữa Bên B với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Bên B không trực tiếp nhập khẩu/ mua trực tiếp từ nhà sản xuất (đối với các mục hàng hóa yêu cầu cấp CO/CQ);
- Một (01) bản xác nhận giá trị thực hiện hợp đồng đối với từng đợt thanh toán;
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có).
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp;
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT.

ĐIỀU 7: GIAO HÀNG, NGHIỆM THU

- 7.1 Thời gian giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A theo tiến độ quy định tại Khoản 6.3 hợp đồng này.
- 7.2 Thủ tục giao hàng:
- ❖ Thông báo giao hàng: Tối thiểu 07 ngày trước khi giao hàng, Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản cho Bên A để Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu. Thông báo giao hàng đính kèm các chứng từ sau đây:

- Danh mục hàng hóa của đợt giao hàng;
- Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (đối với các mục hàng hóa có yêu cầu theo quy định hợp đồng);
- Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp (đối với các mục hàng hóa có yêu cầu theo quy định hợp đồng);
- Bản sao /bản sao có xác nhận của nhà cung cấp cho Bên B hợp đồng/ chứng từ mua bán hoặc các tài liệu liên quan tương đương giữa Bên B với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Bên B không trực tiếp nhập khẩu/ mua trực tiếp từ nhà sản xuất (đối với các mục hàng hóa yêu cầu cấp CO/CQ);
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);

❖ Biên bản bàn giao:

- Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng;
- Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (đối với các mục hàng hóa có yêu cầu theo quy định hợp đồng);
- Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp (đối với các mục hàng hóa có yêu cầu theo quy định hợp đồng);
- Bản sao /bản sao có xác nhận của nhà cung cấp cho Bên B hợp đồng/ chứng từ mua bán hoặc các tài liệu liên quan tương đương giữa Bên B với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Bên B không trực tiếp nhập khẩu/ mua trực tiếp từ nhà sản xuất (đối với các mục hàng hóa yêu cầu cấp CO/CQ);
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có).

7.3 Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Bên A sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

7.4 Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí do Bên B chịu.

ĐIỀU 8: BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BẢO LÃNH BẢO HÀNH

- Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc đặt cọc bằng Séc với giá trị tương đương với 3% giá hợp đồng với thời hạn ... ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý

hợp đồng và Bên B nộp bảo lãnh bảo hành cho toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng.

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đợt cuối. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

ĐIỀU 9: SỬA ĐỔI BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1 Sửa đổi bổ sung:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh hoặc bổ sung, hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản kèm theo hợp đồng này.

9.2 Gia hạn hợp đồng:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn gây chậm trễ trong việc thực hiện theo thời gian quy định tại hợp đồng này thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết đồng thời nêu rõ lý do cùng với thời gian dự tính kéo dài. Khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A phải trả lời Bên B bằng văn bản trong vòng 03 ngày. Việc Bên A đồng ý gia hạn hợp đồng sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

9.3 Chấm dứt hợp đồng:

- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B khi Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn thêm như Khoản 9.2 Điều này.
- Khi Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để mua hàng hóa/ hàng hóa tương đương để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Nếu Bên A không tìm được đơn vị cung cấp khác thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị trước thuế của hàng hóa không cung cấp được. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

ĐIỀU 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Quy định về bất khả kháng:

Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh, khủng bố, hay những trường hợp tương tự có ảnh hưởng đến việc sản xuất, giao hàng của nhà cung cấp mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

10.2 Thủ tục về bất khả kháng:

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 11: ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ HÀNG HÓA DO THAY ĐỔI XUẤT XỨ

Trong trường hợp Bên B đề nghị thay đổi xuất xứ so với quy định tại hợp đồng và được Bên A chấp thuận bằng văn bản trên cơ sở tài liệu chứng minh phù hợp được Bên B cung cấp, hai Bên sẽ thống nhất điều chỉnh giá trị (đối với hàng hóa điều chỉnh xuất xứ thấp hơn) theo hệ số được quy định tại tiêu chí đánh giá của Yêu cầu báo giá.

ĐIỀU 12: PHẠT DO VI PHẠM THỜI HẠN GIAO HÀNG

- Trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 10, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,3% giá trị trước thuế VAT hàng hóa giao chậm cho mỗi ngày chậm giao hàng và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng trước thuế. Khi thời gian giao hàng vượt quá 4 tuần, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

ĐIỀU 13: PHẠT DO CHẠM NGHIỆM THU THANH TOÁN

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành bàn giao hàng hóa, Bên A không tiến hành nghiệm thu hàng hóa của Bên B mà không đưa ra được lý do chính đáng bằng văn bản thì Bên A sẽ bồi thường

thiệt hại cho Bên B khoản tiền phạt tương ứng với 0,05% giá trị hàng hóa được giao trước thuế cho mỗi ngày chậm nghiệm thu và mức tối đa không quá 8% giá trị hợp đồng trước thuế.

- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 hợp đồng. Bên A sẽ bồi thường cho Bên B khoản tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở số tiền chậm trả, với lãi suất được tính bằng 100% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm tương ứng theo số ngày chậm trả thực tế.

ĐIỀU 14: BẢO HÀNH

14.1 Giá trị bảo lãnh bảo hành:

Sau ngày nghiệm thu hàng hóa Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT tương ứng với thời gian bảo hành Hàng hóa do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Nếu trong thời gian bảo hành hàng hóa xảy ra tình trạng hư hỏng hoặc không phù hợp với qui định của hợp đồng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm khắc phục hoặc thay thế mới trong thời gian hợp lý (nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A).

14.2 Thời gian bảo hành:

Mười hai (12) tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao nghiệm thu đợt cuối.

14.3 Phạm vi bảo hành:

- Phạm vi bảo hành: Toàn bộ hàng hóa do Bên B cung cấp.
- Nguyên tắc bảo hành: Không bảo hành những trường hợp hư hỏng do Bên A bảo quản và sử dụng không đúng mục đích, hướng dẫn của Bên B.
- Thủ tục bảo hành: Khi phát hiện các hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B, trong đó nêu rõ các hư hỏng hoặc các hiện tượng hư hỏng. Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử nhân viên đến kiểm tra tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoặc hướng dẫn Bên A kiểm tra, xác định nguyên nhân hư hỏng để thay thế kịp thời. Các chi phí do khắc phục hư hỏng trong phạm vi bảo hành của Bên B sẽ được miễn phí.
- Địa điểm bảo hành: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

ĐIỀU 15: ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT

- Điều chỉnh thuế (áp dụng đối với thuế VAT): Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay

đôi (tăng hoặc giảm), đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 16: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

16.1 Ngôn ngữ hợp đồng và Luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.
- Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

16.2 Giải quyết tranh chấp:

- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Các thay đổi đều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.
- Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

16.3 Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

